TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100**/2025/DS-ST
Ngày: 25 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 178/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông G. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2025) (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2.2. Bà S. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông V. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2025, đơn yêu cầu v/v rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 20/6/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H (do ông G là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Bà H có tham gia chơi hụi do ông T, bà S làm chủ hụi và có đóng hụi đến hụi chót nhưng ông T, bà S không giao hụi cho bà H, cụ thể:

Dây hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 05/7/2020 âm lịch, mãn ngày 05/9/2023 âm lịch, có 38 phần, bà H tham gia 03 phần gồm 01 phần của bà H, tên trong giấy hụi là "Chị 5 V" và 02 phần mua lại của ông X (ngụ ấp A1, xã B1) và bà Y (ngụ ấp A, xã B), bà H đóng hụi sống được 35 lần, đến 03 lần hốt chót là lần thứ 36, 37, 38 thì bà H hốt hụi được 52.500.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 750.000 đồng, còn lại 51.750.000 đồng. Sau đó, ông T, bà S giao cho bà H được 7.250.000 đồng, còn lại 44.500.000 đồng đến nay ông T, bà S không giao cho bà H. Do đó, dây hụi này ông T, bà S còn nợ bà H 44.500.000 đồng.

Dây hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 15/9/2020 âm lịch, mãn ngày 15/8/2023 âm lịch, có 35 phần, bà H tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là "Chị 5 V", bà H đóng sống được 34 lần, đến lần hụi thứ 35 thì bà H hốt hụi được 17.000.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 16.750.000 đồng. Sau đó, ông T, bà S giao cho bà H được 9.000.000 đồng, còn lại 7.750.000 đồng đến nay ông T, bà S không giao cho bà H. Do đó, dây hụi này ông T, bà S còn nợ bà H 7.750.000 đồng.

Tổng cộng, 02 dây hụi này ông T, bà S còn nợ bà H là 44.500.000 đồng + 77.750.000 đồng = 52.250.000 đồng.

Ngoài ra, ông T, bà S còn mượn bà H 03 chỉ vàng 24K vào ngày 25/6/2021 và 10.000.000 đồng vào ngày 22/10/2023 và 2.000.000 đồng vào ngày 13/12/2023.

Hiện nay bà H và ông V là vợ chồng và sống chung nhà. Số tiền hụi 52.250.000 đồng, số tiền vay mượn 12.000.000 đồng và số vàng vay mượn 03 chỉ vàng 24K mà ông T, bà S còn nợ là tài sản chung của bà H, ông V. Do lúc làm đơn khởi kiện bà H không am hiểu pháp luật nên đã không để tên ông V vào trong đơn khởi kiện.

Đối với số vàng vay mượn 03 chỉ vàng 24K, loại vàng cho vay mượn là vàng nhẫn 97. Đối với số tiền hụi 52.250.000 đồng, bà S có tự viết Biên nhận đề ngày 24/9/2023 có nội dung "Chị 5 V H nhỏ thiếu 52250000 ngày 24 tháng 9 2023" giao cho bà H, ông V giữ. Bà H, ông T và bà S cũng có tham gia buổi hòa giải ngày 08/3/2025 do Tổ hòa giải ấp A, xã B tổ chức; khi đó, ông T, bà S có thừa nhận có nợ số tiền hụi 52.000.000 đồng và số vàng vay mượn 03 chỉ vàng 24K, nhưng thực tế số tiền hụi ông T, bà S còn nợ là 52.250.000 đồng theo nội dung Biên nhận đề ngày 24/9/2023. Đối với số tiền vay mượn 12.000.000 đồng, ông T, bà S không thừa nhận còn nợ bà H, ông V vì cho rằng số tiền này đã được hai bên khấu trừ vào tiền mua bán đất. Hiện nay bà H cũng không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh việc ông T, bà S còn nợ bà H, ông V số tiền vay mượn 12.000.000 đồng này.

Vụ việc tranh chấp mua bán đất giữa gia đình bà H với ông T, bà S đã được Tòa án giải quyết xong theo Bản án số 281/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và Bản án số 31/2025/DS-PT ngày

07/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, hiện vụ việc đã chuyển sang giải đoạn thi hành án, nhưng vẫn chưa thi hành án xong. Các khoản nợ hụi, vay mượn mà bà H yêu cầu trong vụ án này không liên quan gì đến vụ việc tranh chấp mua bán đất giữa hai bên mà Tòa án đã giải quyết.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2025, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S trả cho bà H số tiền hụi còn nợ 52.250.000 đồng, số tiền vay mượn còn nợ 12.000.000 đồng và số vàng vay mượn còn nợ 03 chỉ vàng 24K (không yêu cầu tính lãi). *Tại biên bản lấy khai ngày 06/5/2025,* ông G là người đại diện hợp pháp của bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S trả cho bà H, ông V số tiền hụi còn nợ 52.250.000 đồng, số tiền vay mượn còn nợ 12.000.000 đồng và số vàng vay mượn còn nợ là 03 chỉ vàng 24K quy ra thành tiền theo giá vàng thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm (không yêu cầu tính lãi). *Tại đơn yêu cầu v/v rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 20/6/2025,* ông G là người đại diện hợp pháp của bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S trả cho bà H, ông V số tiền vay mượn còn nợ 12.000.000 đồng, các nội dung khác theo yêu cầu khởi kiện thì vẫn giữ nguyên.

** Các bị đơn ông T, bà S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà S, ông V nhưng ông T, bà S, ông V không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông G là người đại diện hợp pháp của bà H vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì ông G vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của bà H đã được thay đổi tại biên bản lấy khai ngày 06/5/2025 và đã được rút lại một phần tại đơn yêu cầu v/v rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 20/6/2025; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, giải quyết buộc ông T, bà S trả cho bà H, ông V số tiền hụi còn nợ 52.250.000 đồng và số vàng vay mượn còn nợ 03 chỉ vàng 24K quy ra giá vàng thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông T, bà S trả cho bà H, ông V số tiền vay mượn còn nợ 12.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S trả cho bà H số tiền hụi còn nợ 52.250.000 đồng, số tiền vay mượn còn nợ 12.000.000 đồng và số vàng vay mượn còn nợ 03 chỉ vàng 24K (không yêu cầu tính lãi); Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn ông T, bà S có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông G là người đại diện hợp pháp của bà H vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông T, bà S, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S trả cho bà H số tiền hụi còn nợ 52.250.000 đồng, số tiền vay mượn còn nợ 12.000.000 đồng và số vàng vay mượn còn nợ 03 chỉ vàng 24K (không yêu cầu tính lãi). Tuy nhiên, tại biên bản lấy khai ngày 06/5/2025, ông G là người đại diện hợp pháp của bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S trả cho bà H, ông V số tiền hụi còn nợ 52.250.000 đồng, số tiền vay mượn còn nợ 12.000.000 đồng và số vàng vay mượn còn nợ 03 chỉ vàng 24K quy ra thành tiền theo giá vàng thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm (không yêu cầu tính lãi); tại đơn yêu cầu v/v rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 20/6/2025, ông G là người đại diện hợp pháp của bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S trả cho bà H, ông V số tiền vay mượn còn nợ 12.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà H là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận; việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà H đã rút này.

[5] Về hợp đồng góp hụi: Bà H cho rằng bà H, ông V có tham gia chơi 02 dây hụi do ông T, bà S làm chủ hụi, gồm: ***Dây hụi thứ nhất***, hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 05/7/2020 âm lịch, mãn ngày 05/9/2023 âm lịch, có 38 phần, bà H, ông V tham gia 03 phần, đóng hụi sống được 35 lần và đã hốt hụi tại 03 lần khui chót thứ 36, 37, 38 với số tiền 52.500.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 750.000 đồng, còn lại số tiền 51.750.000 đồng, nhưng ông T, bà S chỉ mới giao cho bà H, ông V số tiền 7.250.000 đồng, còn lại số tiền 44.500.000 đồng đến nay ông T, bà S không giao cho bà H, ông V; ***Dây hụi thứ hai***, hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 15/9/2020 âm lịch, mãn ngày 15/8/2023 âm lịch, có 35 phần, bà H, ông V tham gia 01 phần, đóng hụi

sống được 34 lần và đã hốt hụi tại lần khui thứ 35 với số tiền 17.000.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 250.000 đồng, còn lại số tiền 16.750.000 đồng, nhưng ông T, bà S chỉ mới giao cho bà H, ông V số tiền 9.000.000 đồng, còn lại số tiền 7.750.000 đồng đến nay ông T, bà S không giao cho bà H, ông V; Tổng cộng, 02 dây hụi này ông T, bà S còn nợ bà H, ông V số tiền 44.500.000 đồng + 7.750.000 đồng = 52.250.000 đồng. Xét thấy, lời trình bày của bà H là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm Biên nhận đề ngày 24/9/2023 có nội dung "Chị 5 V H nhỏ thiếu 52250000 ngày 24 tháng 9 2023" (BL 23), Biên bản hòa giải cơ sở ngày 08/3/2025 (BL 29) và Biên bản xác minh ngày 07/5/2025 (BL 57). Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà S nhưng ông T, bà S không có văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án, nên được coi là ông T, bà S đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về hợp đồng góp hụi. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông T, bà S còn nợ bà H, ông V số tiền hụi 52.250.000 đồng là sự thật, cho đến nay ông T, bà S chưa trả cho bà H, ông V số tiền hụi còn nợ này là vi phạm thỏa thuận về góp hụi đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S cùng có nghĩa vụ trả cho bà H, ông V số tiền hụi còn nợ 52.250.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hợp đồng vay tài sản đối với 03 chỉ vàng 24K: Giá vàng 24K loại vàng nhẫn 97 tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 10.650.000 đồng/chỉ, Hội đồng xét xử căn cứ vào giá vàng này để giải quyết vụ án. Bà H cho rằng bà H, ông V có cho ông T, bà S vay mượn 03 chỉ vàng 24K vào ngày 25/6/2021. Xét thấy, lời trình bày của bà H là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm Biên bản hòa giải cơ sở ngày 08/3/2025 (BL 29) và Biên bản xác minh ngày 07/5/2025 (BL 57). Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà S nhưng ông T, bà S không có văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án, nên được coi là ông T, bà S đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về hợp đồng vay tài sản đối với 03 chỉ vàng 24K. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông T, bà S có vay mượn 03 chỉ vàng 24K của bà H, ông V là sự thật, cho đến nay ông T, bà S chưa trả số vàng vay mượn 03 chỉ vàng 24K cho bà H, ông V là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S cùng có nghĩa vụ trả cho bà H, ông V số tiền vay mượn còn nợ 03 chỉ vàng 24K quy ra thành tiền theo giá vàng thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm 10.650.000 đồng/chỉ x 03 chỉ = 31.950.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền hụi còn nợ 52.250.000 đồng và số vàng vay mượn còn nợ 03 chỉ vàng 24K quy ra thành

tiền theo giá vàng thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm 31.950.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, giải quyết buộc ông T, bà S phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà H, ông V số tiền hụi còn nợ 52.250.000 đồng và số vàng vay mượn còn nợ 03 chỉ vàng 24K quy ra thành tiền theo giá vàng thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm 31.950.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông T, bà S trả cho bà H, ông V số tiền vay mượn còn nợ 12.000.000 đồng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm; ông T, bà S phải cùng chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là (52.250.000 đồng + 31.950.000 đồng) x 5% = 4.210.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông T và bà S trả cho bà H và ông V số tiền hụi còn nợ và số vàng vay mượn còn nợ.

Buộc ông T và bà S phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà H và ông V số tiền hụi còn nợ là 52.250.000 đồng và số vàng vay mượn còn nợ là 03 chỉ vàng 24K quy ra thành tiền theo giá vàng thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm 31.950.000 đồng, tổng cộng là 84.200.000 đồng (*Tám mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H và ông V đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông T và bà S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông T và bà S trả cho bà H và ông V số tiền vay mượn còn nợ là 12.000.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông T và bà S phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 4.210.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (04);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt